TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1004/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Võ Thu Phương

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Đinh Thị Tuyết Mai;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lại Văn Khoa – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 730/TLST-DS ngày 13/10/2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2492/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3118/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm: 1984;

Địa chỉ thường trú: Số X, Tổ 7, Khu phố 2, phường B, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hòa H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ thường trú: Số X đường K, phường L, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày:

Vào năm 2005, bà và ông Nguyễn Hòa H lấy nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2005 ngày 16/8/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đồng Nai) cấp.

Thời gian chung sống từ năm 2005 đến nay, thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã hôn nhân không hạnh phúc. Từ đó đến nay, bà và ông H cũng cố gắng hàn gắn nhưng tình hình không cải thiện. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hòa H.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hòa H có 01 (một) con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012, giới tính nam. Bà Dương Thị H yêu cầu giao con chung Nguyễn D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Dương Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Hòa H không có nợ chung.

Bị đơn – Ông Nguyễn Hòa H đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt, không nêu ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Vào năm 2005, bà Dương Thị H và ông Nguyễn Hòa H lấy nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2005 ngày 16/8/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, Thành phố Đồng Nai) cấp nên quan hệ hôn nhân của bà Dương Thị H và ông Nguyễn Hoàng H là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu

tập ông H hợp lệ để lấy ý kiến giải quyết vụ án nhưng ông không có ý kiến phản hồi chứng tỏ ông cũng không còn tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H không còn tình cảm vợ chồng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Dương Thị H được ly hôn ông nguyễn Hòa H.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012, giới tính nam cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Nguyễn Hòa H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Bà Dương Thị H xác nhận không có nợ chung nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Bà Dương Thị H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hòa H, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Hòa H hiện đang cư trú tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hòa H tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung: Bà Dương Thị H và ông Nguyễn Hòa H kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2005 ngày 16/8/2005 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là

phường T, Thành phố Đồng Nai) cấp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của bà Dương Thị H và ông Nguyễn Hòa H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Hòa H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của bà Dương Thị H xác định: Trong quá trình chung sống, trong thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó bà và ông Nguyễn Hòa H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống của hai bên không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân thường phát sinh tranh chấp, thường xuyên cãi vả. Bà H đã nhiều lần cố gắng hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay bà và ông Nguyễn Hòa H đã không còn sống chung, ly thân từ lâu. Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình và có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng thực tế bà H và ông H đã sống ly thân, giữa bà H và ông H không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H với ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H về việc xin ly hôn ông Nguyễn Hòa H.

[5]. Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hòa H có 01 (một) con chung tên Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012, giới tính nam. Bà Dương Thị H yêu cầu giao con chung Nguyễn D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Dương Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 25/11/2025, trẻ Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012 trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị H, giao trẻ Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012, giới tính nam cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung: Bà Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Bà Dương Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu.

[9]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H được ly hôn ông Nguyễn Hòa H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2005 ngày 16/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn D, sinh ngày 28/2/2012, giới tính nam cho bà Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Hòa H cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E 0025335 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV2-TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự KV2-TPHCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP; HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thu Phương